

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU CHƯ SÊ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chư Sê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chư Sê được đổi tên từ Công ty Cao su Chư Sê theo Quyết định số 114/QĐ-HĐQTCSVN ngày 04 tháng 05 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5900190497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20 tháng 03 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 420 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đặng Đức Tri	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Duy Muôn	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Minh	Thành viên HĐQT
Ông Vương Đức Thông	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Duy Muôn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Duy Đốc	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Quang Thái	Kiểm soát viên
Ông Mai Trung Hiếu	Kiểm soát viên
Bà Mai Thị Hương	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm 2021 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban thành viên Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Duy Muôn

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: *Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chur Sê*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chur Sê, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chur Sê tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện để đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán số 1000 - Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Do những giới hạn về phạm vi kiểm toán, các thủ tục kiểm toán này không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0373-2018-126-1
Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Xuân Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4907-2019-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.789.028.314	77.566.060.617
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	1	57.307.015.618	13.310.205.254
111	1. Tiền		1.907.015.618	760.205.254
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.400.000.000	12.550.000.000
120	II Đầu tư tài chính ngắn hạn	2	11.255.848.160	10.657.566.561
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.255.848.160	10.657.566.561
130	III Các khoản phải thu		42.710.798.922	43.681.067.613
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3	13.605.152.741	20.976.033.169
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	1.978.878.005	8.437.406.405
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	33.054.963.530	24.626.510.326
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(9.126.342.016)	(13.557.028.949)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	3.198.146.662	3.198.146.662
140	IV. Hàng tồn kho	8	10.286.790.042	9.269.626.791
141	1. Hàng tồn kho		10.286.790.042	9.269.626.791
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.228.575.572	647.594.398
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		3.040.734.112	647.594.398
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	9	187.841.460	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.869.210.819.622	1.821.975.420.657
220	II Tài sản cố định		127.258.601.985	93.333.825.111
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	127.186.757.541	93.253.980.667
222	- Nguyên giá		270.193.970.115	232.013.093.473
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(143.007.212.574)	(138.759.112.806)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	71.844.444	79.844.444
228	- Nguyên giá		160.000.000	160.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(88.155.556)	(80.155.556)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	551.819.925.449	533.073.309.560
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		551.819.925.449	533.073.309.560
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2	1.184.419.899.993	1.185.642.598.674
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.149.039.988.134	1.149.039.988.134
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.800.820.624	37.800.820.624
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính DH (*)		(2.420.908.765)	(1.198.210.084)
260	VI Tài sản dài hạn khác		5.712.392.195	9.925.687.312
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.712.392.195	9.925.687.312
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.993.999.847.936	1.899.541.481.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		529.459.846.405	442.790.694.665
310	I. Nợ ngắn hạn		157.419.089.935	122.599.047.370
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.487.106.821	9.040.479.795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	39.818.777.934	6.697.936.982
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	4.218.251.981	8.395.475.076
314	4. Phải trả người lao động		14.099.874.623	12.093.277.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		664.748.076	602.051.216
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	30.392.494.334	4.985.188.486
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	44.815.246.973	68.973.067.616
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.922.589.193	11.811.571.035
330	II. Nợ dài hạn		372.040.756.470	320.191.647.295
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	14.275.161.703	4.744.079.713
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	251.681.631.984	229.254.914.372
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	103.412.874.084	82.427.965.124
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.671.088.699	3.764.688.086
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.464.540.001.531	1.456.750.786.609
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.465.152.347.895	1.462.734.498.513
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.457.728.529.898	1.457.728.529.898
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.423.817.997	5.005.968.615
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.423.817.997	5.005.968.615
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		(612.346.364)	(5.983.711.904)
431	1. Nguồn kinh phí	20	(612.346.364)	(5.983.711.904)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.993.999.847.936	1.899.541.481.274

Trần Văn Bình
Người lập biểu

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Chu Trung Đức
Kế toán trưởng



Phạm Duy Muốn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	1	111.047.182.337	105.178.551.722
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV		111.047.182.337	105.178.551.722
11	4. Giá vốn hàng bán	2	85.379.112.455	85.810.168.258
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV		25.668.069.882	19.368.383.464
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3	29.567.703.401	2.590.074.817
22	7. Chi phí tài chính	4	6.795.617.144	5.458.982.214
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.568.474.571	5.448.072.140
25	8. Chi phí bán hàng	5	1.476.231.029	1.124.603.720
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6	12.655.811.905	19.013.350.826
30	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		34.308.113.205	(3.638.478.479)
31	11. Thu nhập khác	7	22.824.010.920	36.850.861.009
32	12. Chi phí khác	8	15.629.053.155	17.044.331.553
40	13. Lợi nhuận khác		7.194.957.765	19.806.529.456
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.503.070.970	16.168.050.977
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9	4.212.158.540	3.653.129.439
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.290.912.430	12.514.921.538

Trần Văn Bình
Người lập biểu

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Chu Trung Đức
Kế toán trưởng



Phạm Duy Muôn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Tiền thu từ BH, CCDV và doanh thu khác	144.958.327.820	106.122.302.204
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	(32.753.798.256)	(18.950.332.415)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(72.992.714.065)	(71.432.014.751)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(5.619.198.653)	(4.944.599.276)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.438.928.361)	(1.669.596.162)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	31.375.213.879	24.986.353.342
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(36.053.890.260)	(33.805.494.193)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	22.475.012.104	306.618.749
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(60.392.990.981)	(52.958.153.243)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	50.898.593.953	22.573.708.821
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.966.790.998)	(578.378.409)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.368.509.399	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.173.740.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	17.481.263.703	543.473.713
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	7.388.585.076	(29.245.609.118)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21.000.000.000	45.000.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	237.136.549.726	278.600.031.039
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	(240.309.461.409)	(299.758.160.342)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.690.913.094)	(5.850.941.696)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	14.136.175.223	17.990.929.001
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	43.999.772.403	(10.948.061.368)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	13.310.205.254	24.260.523.742
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(2.962.039)	(2.257.120)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	57.307.015.618	13.310.205.254



Trần Văn Bình
Người lập biểu
Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2022



Chu Trung Đức
Kế toán trưởng



Phạm Duy Muôn
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Chư Sê được đổi tên từ Công ty Cao su Chư Sê theo Quyết định số 114/QĐ-HĐQTCSVN ngày 04 tháng 05 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5900190497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20 tháng 03 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 420 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.457.728.529.898 đồng.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 810 nhân viên (tại ngày 31/12/2020, Công ty có 901 nhân viên).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, khai thác và chế biến mủ cao su.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Mua bán mủ cao su (mủ cốm); Thương nghiệp bán buôn;
- Khai hoang xây dựng vườn cây;
- Mua bán nông sản;
- Xây lắp các công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Đầu tư xây dựng quản lý, khai thác và kinh doanh công trình thủy điện;
- Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng và gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Khai thác và thu gom than bùn.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nông trường cao su Ialâu	Xã Ialâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng cây cao su
Nông trường cao su Iatiêm	Xã Iatiêm, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Trồng cây cao su
Xí nghiệp cơ khí chế biến	Xã Iaglai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chế biến mủ cao su
Trường mầm non Cao su Trung tâm y tế Cao su	Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai Thôn Hồ Nước, Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Nhận gửi và giữ trẻ Hoạt động của các trạm xá
Chi nhánh Khu Công nghiệp VRG Gia Lai	Thôn Khối Zố, xã Iatiêm, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Từ 01/01 đến 31/12

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

a) Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;

b) Trường hợp không xác định được lãi suất theo điểm a nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất doanh nghiệp có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.